

**SẢN PHẨM NHÓM 6: AN HÒA - QUỲNH HƯNG - QUỲNH THỌ**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7**

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
1	Số hữu tỉ	- Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. - Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. - Các phép tính với số hữu tỉ	1 (0,25đ)			2 (1,0đ)						1,25đ
2	Số thực	- Số thực. Giá trị tuyệt đối của một số thực	2 (0,5đ)									0,5đ
3	Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt Tia phân giác. Hai đường thẳng song song. Định lí và chứng minh định lí.	1 (0,25đ)									0,25
4	Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. (14 t)	Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. Tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân nhau	6 (1,5đ)			1 (1,0đ)		1 (1,0đ)			2 (1,0 đ)	4,5đ
5	Thu thập và biểu diễn số liệu (11 t)	Thu thập và phân loại dữ liệu.				1 (1,0đ)		1 (0,5đ)				3,5đ
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ hình quạt tròn, đoạn thẳng.	6 (1,5đ)					1 (0,5đ)				
<b>Tổng: Số câu Điểm</b>			<b>16 4,0đ</b>			<b>4 3,0đ</b>		<b>3 2,0đ</b>		<b>2 1,0đ</b>	<b>25 10,0đ</b>	
<b>Tỉ lệ %</b>			40%		30%		20%		10%		100%	

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7**

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	<b>Số hữu tỉ</b>	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. Các phép tính với số hữu tỉ.</i>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.</li> <li>– Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.</li> <li>– Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.</li> <li>– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.</li> <li>– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.</li> </ul>	1TN (0,25 đ)	2TL (1,0 đ)		
2	<b>Số thực</b>	<i>Căn bậc hai số học</i>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm.</li> </ul>	1TN (0,25 đ)			
		<i>Số vô tỉ. Số thực</i>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.</li> <li>– Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực.</li> <li>– Nhận biết được số đối của một số thực.</li> <li>– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực.</li> <li>– Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.</li> </ul>	1TN (0,25 đ)			

3	<b>Góc và đường thẳng song song</b>	<b>Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.</li> </ul>	1TN (0,25 đ)			
4	<b>Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. (14 t)</b>	<b>Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. Tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân nhau</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau.</li> <li>Nhận biết được tam giác vuông, tam giác cân.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng 180°.</li> <li>Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.</li> <li>Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau).</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...).</li> <li>Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<b>đơn giản, quen thuộc</b>) liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giải quyết linh hoạt được một số vấn đề thực tiễn (<b>phức hợp, không quen thuộc</b>) liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.</li> </ul>	6TN (1,5 đ)	1TL (1,0 đ)	1TL (1,0 đ)	2TL (1,0 đ)

5	<b>Thu thập và tổ chức dữ liệu (11T)</b>	<b>Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước</b>	<p><b>Thông hiểu :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...).</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.</li> </ul>		1TL (1,0 đ)	1TL (0,5 đ)	
		<b>Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ hình quạt tròn, đoạn thẳng.</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) biểu đồ đoạn thẳng</li> </ul>	6TN (1,5 đ)		1TL (0,5 đ)	

**NHÓM 6: AN HÒA - QUỲNH HƯNG - QUỲNH THỌ**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 7**

(Thời gian làm bài: 90 phút)

**Phần I. Trắc nghiệm khách quan. (4,0 điểm)**

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

**Câu 1:** Số đối của số  $\frac{-3}{5}$  là

- A.  $\frac{5}{3}$                       B.  $\frac{-5}{3}$                       C.  $\frac{3}{5}$                       D.  $-\frac{3}{5}$

**Câu 2:** Căn bậc hai số học của 25 là:

- A. 5                      B. 25                      C. -5                      D. -25

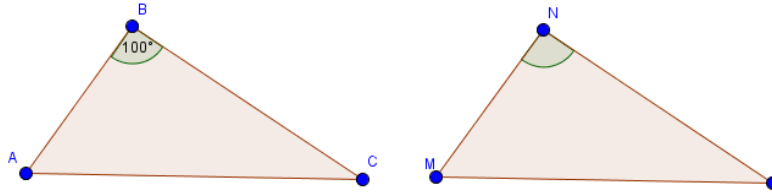
**Câu 3:** Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A.  $\frac{2}{3}$                       B.  $\sqrt{2}$                       C. 3,5                      D. 0

**Câu 4:** Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a, vẽ được bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng a

- A. chỉ có một.    B. có 2 đường thẳng.  
C. không có đường thẳng nào.    D. có vô số đường thẳng.

**Câu 5:** Cho  $\Delta ABC = \Delta MNP$ , biết  $\hat{B} = 100^\circ$ , số đo của góc N bằng



A.  $80^\circ$

B.  $90^\circ$

C.  $100^\circ$

D.  $110^\circ$

**Câu 6:** Cho  $\Delta ABC = \Delta DEF$ , biết  $EF = 5cm$  khi đó độ dài đoạn thẳng BC là

A.  $BC = 5cm$

B.  $BC = 6cm$

C.  $BC = 2,5cm$

D.  $BC = 10cm$

**Câu 7:** Cho tam giác  $ABC$  có  $\widehat{ABC} = 90^\circ$ . Khi đó tam giác  $ABC$  là:

A. Tam giác vuông tại A

B. Tam giác vuông tại B

C. Tam giác vuông tại C

D. Tam giác nhọn

**Câu 8:** Cho tam giác  $ABC$  có  $AB = AC$ . Khi đó tam giác ABC là

A. Tam giác cân tại A

B. Tam giác cân tại B

C. Tam giác cân tại C

D. Tam giác đều

**Câu 9 :** Tổng 3 góc của một tam giác bằng

A.  $180^\circ$

B.  $60^\circ$

C.  $45^\circ$

D.  $360^\circ$

**Câu 10:** Cho tam giác ABC cân tại A. Biết độ dài cạnh  $AB = 5cm$ . Khi đó độ dài cạnh AC là:

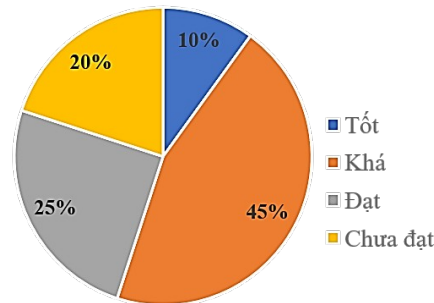
A. 3 cm

B. 4 cm

C. 5 cm

D. 8 cm

**Câu 11.** Dưới đây là biểu đồ thể hiện tỉ lệ phần trăm học lực của học sinh khối 7. Hãy cho biết, đây là dạng biểu diễn nào?



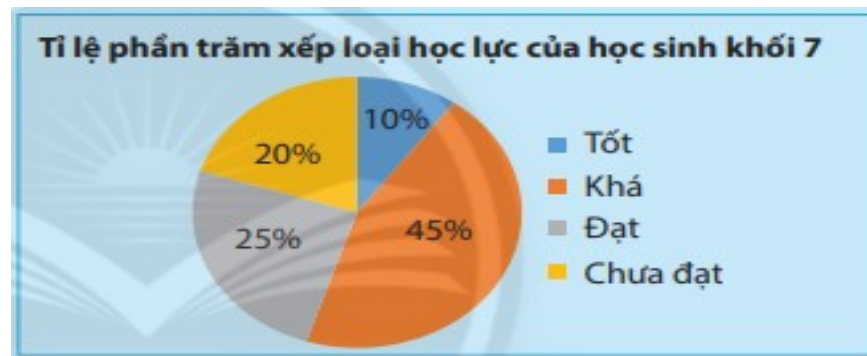
A. Biểu đồ tranh.

B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ đoạn thẳng.

D. Biểu đồ hình quạt tròn

**Câu 12.** Quan sát hình vẽ. Cho biết tỉ lệ % xếp loại học lực Khá của học sinh khối 7



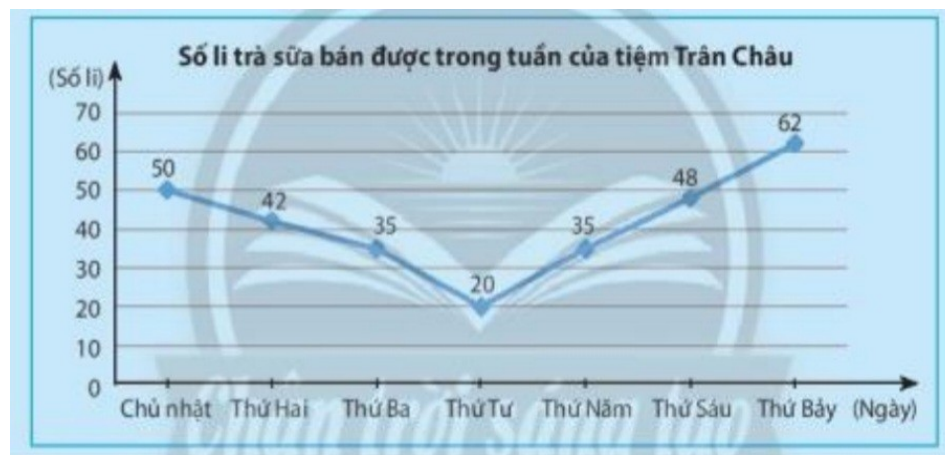
A. 10%

B. 20%

C. 25%

D. 45%

**Câu 13.** Quan sát hình vẽ. Cho biết số ly trà sữa bán được trong tuần của tiệm Trần Châu



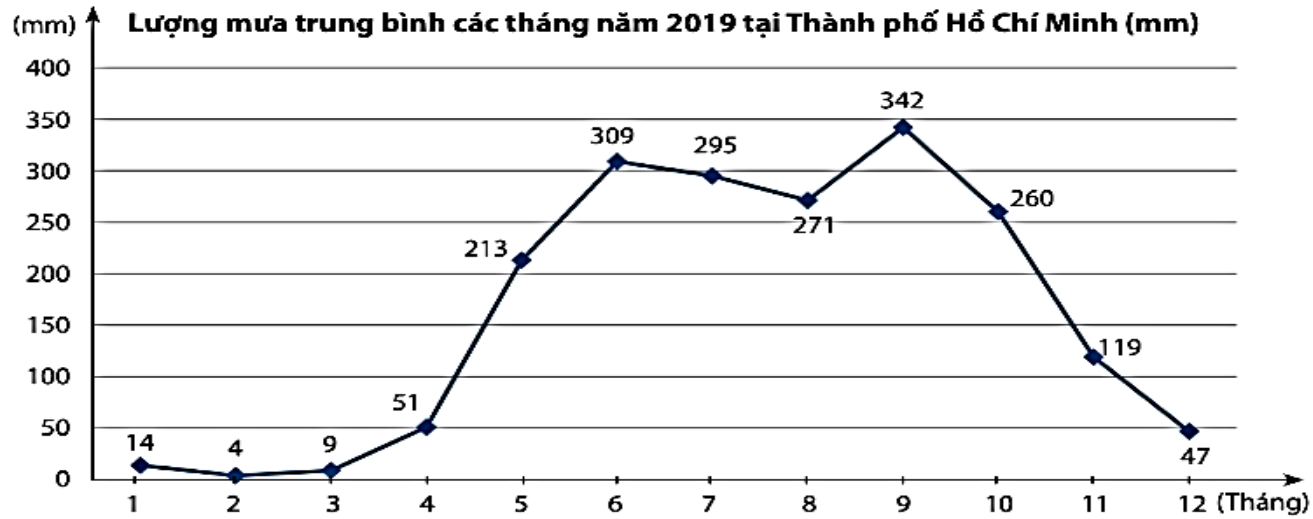
A. 35

B. 20

C. 48

D. 42

**Câu 14 :** Quan sát biểu đồ dưới đây và cho biết lượng mưa trung bình cao nhất tại thành phố Hồ Chí Minh là vào tháng



(Nguồn: <https://kenhthoietiet.vn/>)

**A.**

**C.** Tháng 9

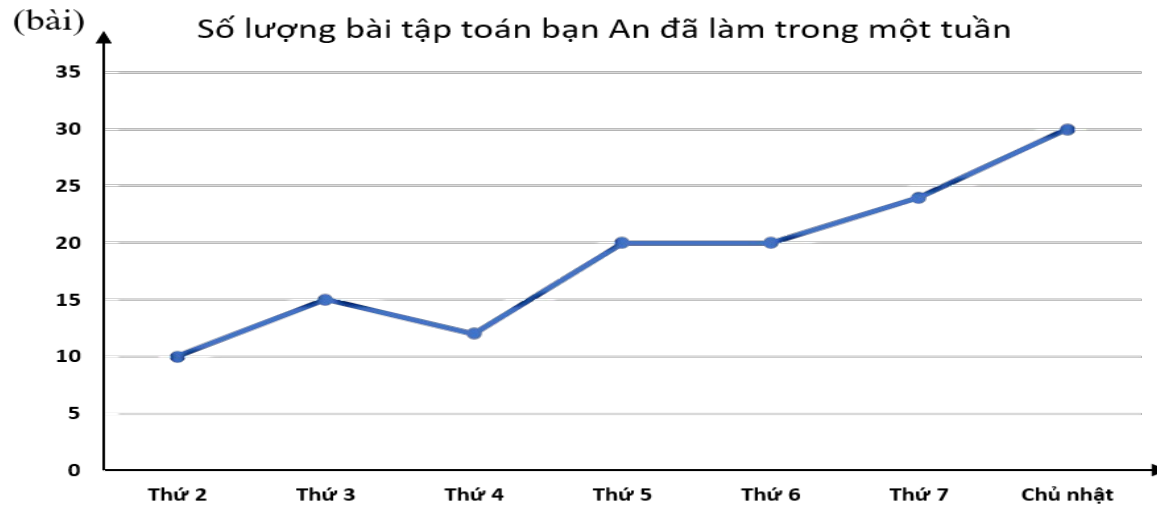
**D.** Tháng 12

**Câu 15.** Quan sát biểu đồ dưới đây và chọn khẳng định **đúng**?

Tháng 8

**B.** Tháng 6





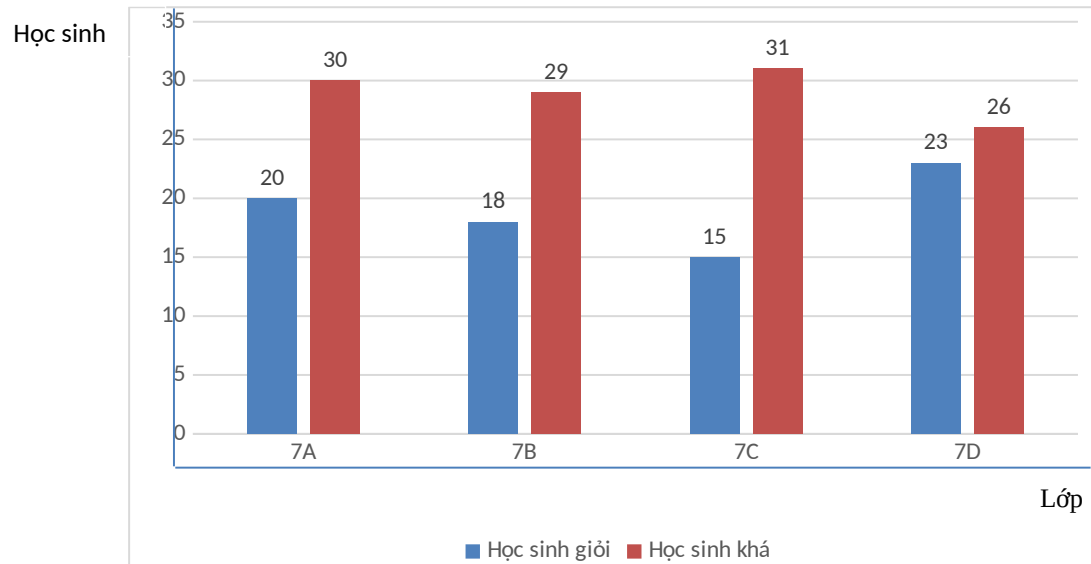
A. Ngày thứ 4 bạn An làm được ít bài tập nhất.

B. Thứ 3 bạn An làm được 10 bài tập.

C. Thứ 6 bạn An làm được 20 bài tập.

D. Chủ nhật bạn An làm được nhiều bài tập nhất.

**Câu 16:** Biểu đồ cột kép bên dưới biểu diễn số học sinh giỏi và số học sinh khá của các lớp 7A,7B,7C,7D



Số học sinh khá của lớp nào nhiều nhất

A. 7A

B. 7B

C. 7C

D. 7D

**Phần II. Tự luận. (6,0 điểm)**

**Câu 1. (1,0 điểm)** Thực hiện các phép tính:

a)  $\frac{-1}{5} + \frac{-9}{5}$  (TH)      b)  $6 \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + \frac{1}{3}$  (VD)

**Câu 2. (1,5 điểm)** Nhà bạn Mai mở tiệm bán kem, bạn ấy muốn điều tra về các loại kem yêu thích của 30 khách hàng trong sáng chủ nhật và thu được kết quả như sau:

Loại kem	Số người yêu thích
Dâu	//// // /
Nho	///
Sầu riêng	//// //
Sô cô la	////
Va ni	//

Từ bảng điều tra của bạn Mai, em hãy cho biết:

a/ Bạn Mai đang điều tra về vấn đề gì? (TH)

b/ Hãy chỉ ra các dữ liệu mà bạn ấy thu thập được trong bảng trên? (TH)

**Câu 3. (0,5 điểm)** Để điều tra sự yêu thích ca sĩ Sơn Tùng của học sinh trong toàn trường:

- Bạn Hà khảo sát mỗi khối 50% số học sinh.
- Bạn Hoa phỏng vấn tất cả học sinh trong toàn trường.

Em hãy cho biết dữ liệu thu được của bạn nào sẽ được dùng làm đại diện hợp lý?

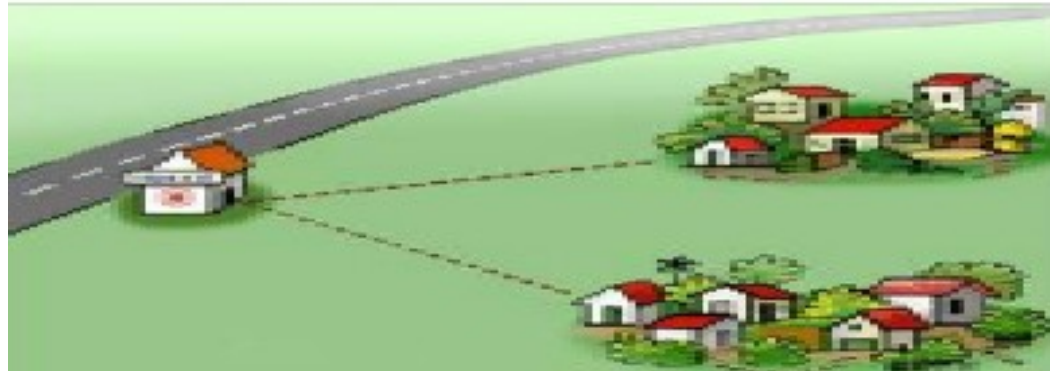
**Câu 4. (2,0 điểm)** Cho  $\Delta ABC$  cân tại A, lấy M là trung điểm của BC

a/ Cho  $AB = 4\text{cm}$ . Tính cạnh  $AC$

b/ Chứng minh  $\Delta AMB = \Delta AMC$

**Câu 5: (1,0 điểm )**

**a)** Một con đường quốc lộ cách không xa hai điểm dân cư (hình vẽ). Hãy tìm bên đường đó một địa điểm để xây dựng một trạm y tế sao cho trạm y tế này cách đều hai điểm dân cư.



**b)** Sợi dây thép dài 1,2 m. Cần đánh dấu trên sợi dây thép đó hai điểm để khi uốn gập nó lại tại hai điểm đó sẽ tạo thành một tam giác cân có một cạnh dài 30 cm. Em hãy mô tả cách đánh dấu trên sợi dây thép và giải thích.